

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị Thu L, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố M, thị trấn N, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh S, sinh năm: 1984 (Có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Danh Thị Thu L là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh S kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Kiên Giang, chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau, anh S thường xuyên uống rượu, bia dùng nhiều lời lẽ chửi mắng, xúc phạm đến chị và gia đình chị. Khoảng tháng 01 năm 2014, chị và anh S sống ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình sống chung chị và anh S có 01 người con chung là cháu Danh Chí C, sinh ngày 25/9/2007 do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị và anh S không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi cháu Danh Chí C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu C có nguyện vọng sống với anh S chị cũng thống nhất giao cho anh S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai anh Danh S là bị đơn trình bày:

Anh và chị L kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Kiên Giang, chung sống được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau và còn nhiều nguyên nhân khác. Đầu năm 2014, anh và chị L sống ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình chung sống anh và chị L có 01 người con chung là cháu Danh Chí C, hiện nay do chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý; Về con chung anh đồng ý giao cháu C cho chị L nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu, nếu cháu C có nguyện vọng sống với anh thì anh cũng thống nhất nuôi và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Danh Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Danh S. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Danh S là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh S có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị L và anh S xảy ra những mâu thuẫn nhưng không thể tự hàn gắn được và không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2014 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị cũng không gặp nhau hoặc liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh S có đơn đề nghị vắng mặt và đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh S có một người con chung là cháu Danh Chí C, sinh ngày 25/9/2007, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và anh S cũng thống nhất. Đồng thời, tại phiên tòa cháu C (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống với mẹ là chị L. Xét thấy, yêu cầu của chị L, ý kiến của anh S phù hợp với nguyện vọng của cháu C và phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu C cho chị L nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh S có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Danh Thị Thu L được ly hôn với anh Danh S.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Chí C, sinh ngày 25/9/2007 cho chị Danh Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Danh S không phải cấp dưỡng nuôi con, trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Danh S có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Danh Thị Thu L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001181 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Danh Thị Thu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 26/6/2019; Anh

Danh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS ND huyện GR;
- THA Huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Danh Thanh Phát